

Bản án số: 1630/2026/DS-ST
Ngày: 21-7-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Hữu Phước
- Bà Hà Thị Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 574/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (mã số doanh nghiệp C)

Trụ sở: 266 – B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/7/1991, căn cước công dân số 074091002196 cấp ngày 27/4/2021 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu A, số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh ngày 04/3/1995, số CMND 225587382 cấp ngày 14/02/2019 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/12/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Quang T ký kết với nhau Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.646.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.522.000 đồng. Từ ngày 11/11/2022, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T và chuyển toàn bộ số nợ của ông T sang nợ quá hạn. Sau đó, Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện đối với ông T, yêu cầu ông T phải thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2026) là 63.847.578 đồng, gồm: Nợ gốc 23.186.020 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.661.558 đồng. Ngoài ra, ông T phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 22/7/2026 trên số tiền mà ông T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng theo mức lãi suất được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/12/2021.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Quang T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất mà không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Lê Quang T** trả nợ thông qua giao dịch cấp thẻ tín dụng, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/12/2021, các bên có ghi nơi ở hiện tại của ông **Lê Quang T** tại địa chỉ **số A đường P, phường C, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **Lê Quang T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông **T** không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, ông **T** vắng mặt tại phiên hòa giải và nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông **T** vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét Giấy ủy quyền số: 2436/2026.UQ-SACOMBANK.SBA ngày 17/7/2026 của ông **Dương Đức T1** ủy quyền cho ông **Nguyễn Ngọc M** tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu về tiền gốc: Xét thấy sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông **Trần Đức T2** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.646.000 đồng. Tuy nhiên, ông **T** không thanh toán đầy đủ nợ gốc cho Ngân hàng. Căn cứ vào Bản tóm tắt sao kê do **Ngân hàng TMCP S** cung cấp cho thấy tại thời điểm xét xử, ông **T** còn khoản nợ gốc với Ngân hàng là 23.186.020 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông **Lê Quang T** phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.186.020 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Xét thấy, trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **Lê Quang T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/11/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông **T** và chuyển toàn bộ số nợ của ông **T** sang nợ quá hạn. Xét mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng với ông **T** là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, yêu

cầu tính lãi của Ngân hàng đối với ông **T** là có căn cứ. Theo bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp cho thấy tại thời điểm xét xử, ông **T** còn khoản nợ lãi quá hạn đối với Ngân hàng là 40.661.558 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông **Lê Quang T** phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi quá hạn là 40.661.558 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông **Lê Quang T** phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 1; Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông **Lê Quang T** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tổng tiền còn nợ tính đến ngày 21/7/2026 là 63.847.578 đồng (sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng), gồm: Nợ gốc 23.186.020 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.661.558 đồng, để chấm dứt Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/12/2021 giữa **Ngân hàng TMCP S** với ông **Lê Quang T**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/12/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **Lê Quang T** phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.192.379 đồng (ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.368.618 đồng (một triệu ba trăm sáu tám nghìn sáu trăm mười tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0054569 ngày 29/12/2025 của Thi hành **án dân sự Thành phố H**.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** và bị đơn ông **Lê Quang T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương

